TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2026
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 319/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ - sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lương Tuấn A - sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Lương Tuấn A kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại xã H (nay là xã H), thành phố Đà Nẵng; Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông Tuấn A không có trách nhiệm với vợ con, nên tôi đã bỏ về nhà Mẹ ruột sống từ tháng 4/2024, nhưng ông A không thay đổi, và không gặp con cái. Tôi xác định tình cảm không còn, nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Lương Tuấn A.

- Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Lương Tuấn A có

01 con chung là Nguyễn Lương Tuấn A1, sinh ngày: 02/01/2024. Ly hôn, bà Trương Thị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Lương Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn – ông Nguyễn Lương Tuấn A không hợp tác, nên không có lời khai tại hồ sơ.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

* Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

* Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Lương Tuấn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng: Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 31/3/2026 và cũng như phiên toà hôm nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn là ông Nguyễn Lương Tuấn A, nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xử vắng mặt ông Nguyễn Lương Tuấn A.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ đối với ông Nguyễn Lương Tuấn A, thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Lương Tuấn A kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H), thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp

luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Trương Thị Đ khai nhận thì quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông Tuấn A không có trách nhiệm với vợ con, nên bà Đ đã bỏ về nhà Mẹ ruột sống từ tháng 4/2024 đến nay, nhưng ông A vẫn không thay đổi, và không gặp con cái. Bà Trương Thị Đ xác định tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được nên mong muốn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Lương Tuấn A.

HĐXX xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng bà Đ và ông Tuấn A không có hạnh phúc là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông Tuấn A không có trách nhiệm với vợ con, hiện nay vợ chồng đã không sống chung với nhau, bà Đ xác định không còn tình cảm, và mong muốn được ly hôn với ông Nguyễn Lương Tuấn A. Riêng ông Tuấn A thì có thái độ không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải và tại phiên tòa, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Tuấn A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ông Nguyễn Lương Tuấn A không tôn trọng Pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Thị Đ và ông ông Nguyễn Lương Tuấn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Lương Tuấn A, như đề nghị của đại diện VKS Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Lương Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Lương Tuấn A1, sinh ngày: 02/01/2024. Ly hôn, bà Trương Thị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Lương Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, tính đến ngày xét xử, cháu Nguyễn Lương Tuấn A1, sinh ngày: 02/01/2024 (dưới 36 tháng tuổi) và đang được bà Đ nuôi dưỡng, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ, HĐXX giao cháu Nguyễn Lương Tuấn A1, sinh ngày: 02/01/2024 cho bà Trương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Việc bà Đ không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên HĐXX không xét. Sau này, các bên có tranh chấp về việc nuôi con chung và cấp dưỡng thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Đ xác định không có, nên HĐXX không xét. Sau này, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Trương Thị Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện v/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* của bà Trương Thị Đ đối với ông Nguyễn Lương Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1993 được ly hôn với ông Nguyễn Lương Tuấn A, sinh năm: 1993.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94/2023, ngày 20/11/2023 của UBND xã H, huyện H (nay là xã H, Tp Đà Nẵng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung:

Giao cho bà Trương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Lương Tuấn A1, sinh ngày: 02/01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Lương Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Trương Thị Đ phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng theo biên lai thu số 00004929 ngày 04 tháng 11 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV4;*
- *Phòng THA.DS KV4;*
- *UBND xã Hòa Tiến.*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình